TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LÂM** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 04/6/2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh

2. Ông Hoàng Quang Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Cam lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:* Ông Trần Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 14/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972

Địa chỉ: TDP Linh Thương, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Dương Thị C, sinh năm 1958

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Bà C, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 20/12/2018, bà Nguyễn Thị M cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C vay số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản chỉ thỏa thuận miệng, tiền lãi 5.000.000 đồng/tháng. Bà M đã giao tiền mặt một lần cho ông Đ, bà C. Từ tháng 12/2018 đến tháng 04/2020, ông Đ và bà C đã trả cho bà M tiền lãi số tiền 80.000.000 đồng. Sau tháng 4/2020, ông Đ và bà C không tiếp tục trả tiền lãi. Ngày 01/11/2022, ông Đ và bà C viết Giấy nhận nợ với nội dung là có mượn của bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), cộng tiền lãi 28 tháng thành tiền là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Tổng cộng là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Khi nào vợ chồng ông Đ và bà C bán được đất sẽ hoàn trả lại cho bà M.

Đối với tiền lãi ghi trong Giấy nhận nợ ngày 01/11/2022, thực tế phía bị đơn không trả số tiền lãi này và bà M không yêu cầu. Bà M chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà M đã nhiều lần đến nhà tìm ông Đ để tìm phương án trả nợ, nhưng ông Đ, bà C hẹn khi nào bán đất mới trả nợ, không có bất kỳ một thời gian cụ thể để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu xác định lãi suất 20%/năm, tính từ tháng 08/2020 đến tháng 8/2024.

Tại phiên toà, bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ lãi. Bà M yêu cầu ông Đ và bà C trả nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi tính từ tháng 11/2022 đến thời điểm xét xử tháng 6/2025 với lãi suất 10%/năm với số tiền 40.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 20/12/2018, ông Đ và bà C có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng và không lập hợp đồng bằng văn bản. Lãi suất mỗi tháng phải trả cho bà M 5.000.000 đồng. Ông Đ đồng ý với trình bày của bà M về thời gian trả tiền lãi. Số tiền lãi tới tháng 4/2020, vợ chồng ông Đ đã trả cho bà M là 80.000.000 đồng. Sau tháng 4/2020, do dịch bệnh và tình hình kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông không tiếp tục trả tiền lãi cho bà M.

Ngày 01/11/2022, do sự áp lực của chị em bà M nên bà Dương Thị C có viết và ký Giấy nhận nợ. Ông Đ xác định chữ ký trong Giấy nhận nợ này không phải chữ ký của ông, nhưng ông có chứng kiến sự việc bà C có viết và ký tên vào Giấy nhận nợ. Ông Đ thừa nhận nội dung trong Giấy nhận nợ ngày 01/11/2022.

Tại phiên toà, ông Đ đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Đ đồng ý trả số tiền vay nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi là 40.000.000 đồng cho bà M. Phương án trả nợ là khi vợ chồng ông Đ bán được nhà đất thì sẽ trả tiền cho bà M. Hiện nay gia đình ông kinh tế khó khăn, không có khả năng trả ngay 1 lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị C trình bày:

Bà C xác nhận vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 20/12/2018. Hai bên chỉ thoả thuận miệng, lãi suất hàng tháng là 5.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã trả tiền lãi cho bà M đến khoảng tháng 4/2020 thì không tiếp tục trả lãi. Khi các bên cho vay và trả lãi chỉ nói miệng không có giấy tờ nên bà không nhớ cụ thể.

Ngày 01/11/2022, chị em bà M có đến nhà yêu cầu bà viết Giấy nhận nợ. Chính bà C viết và ký tên vào Giấy nhận nợ này. Ông Đ có ký tên vào Giấy nhận nợ không bà không nhớ rõ.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà trả nợ vay thì bà C đồng ý trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý trả tiền lãi số tiền 40.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M vì lý do bà cho rằng số tiền lãi bà đã đóng cho bà M quá nhiều. Hiện nay, kinh tế gia đình khó khăn bà không có khả năng để tiếp tục trả tiền lãi. Phương án trả nợ gốc là khi nào vợ chồng bà bán được nhà đất thì sẽ trả tiền cho bà M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm có quan điểm:

* Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Cam Lâm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

* Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357,463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị M 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 140.000.000 đồng. Về án phí: Bà Dương Thị C và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà C và ông Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị C, cùng địa chỉ: thôn Tân Phú, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung vụ án***:

- Về nội dung tranh chấp:

Đối với nợ gốc: ngày 20/12/2018, ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thoả thuận miệng. Lãi suất theo thoả thuận là 5.000.000 đồng/tháng. Ngày 01/11/2022, ông Đ và bà C viết Giấy nhận nợ cho bà M với nội dung: ông Đ và bà C có mượn của bà M số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 28 tháng là 140.000.000 đồng, khi nào bán được đất sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho bà M.

Ông Đ và bà C thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 20/12/2018, đồng thời thừa nhận Giấy nhận nợ ngày 01/11/2022. Việc thỏa thuận vay là tự nguyện và không trái pháp luật nên đây là giao dịch hợp pháp, có hiệu lực bắt buộc thực hiện. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Bà M đã báo trước cho ông Đ và bà C một khoản thời gian nhưng ông Đ, bà C không đưa ra phương án trả nợ cụ thể, hứa hẹn khi nào bán được nhà đất mới có tiền để trả nợ. Xét thấy việc vay tài sản đã kéo dài một thời gian, ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 469 Bộ luật dân sự, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì bên vay có

quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với nợ lãi:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận là có thoả thuận về lãi suất là 5.000.000 đồng/tháng. Tại phiên toà các bên xác nhận số tiền lãi đã trả tính tới tháng 4/2020 là 80.000.000 đồng.

Tại phiên toà bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, bà M yêu cầu bị đơn ông Đ và bà C trả tiền lãi từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2025 với lãi suất 10%/năm, số tiền nợ lãi bà M yêu cầu ông Đ, bà C phải trả là 40.000.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên vay được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản.

Vì vậy, áp dụng mức lãi suất toàn thời gian đối với khoản nợ vay này là 20%/năm.

Số tiền lãi toàn thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2025 (78 tháng) là: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 78 tháng = 130.000.000 đồng. Số tiền lãi ông Đ, bà C đã trả cho nguyên đơn là 80.000.000 đồng, số tiền lãi lẽ ra phải trả cho bà M còn lại là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà M chỉ yêu cầu tiền nợ lãi tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm tháng 6/2025 số tiền là 40.000.000 đồng là có căn cứ.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đ và bà C trả nợ lãi cho bà M số tiền 40.000.000 đồng.

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cách tính lãi suất, số tiền lãi yêu cầu tại phiên toà thấp hơn so với số tiền lãi yêu cầu tại đơn khởi kiện đã được Toà án thụ lý, việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền **140.000.000 đồng** *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)* trong đó: nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 40.000.000 đồng.

Quy định: kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị C được miễn nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M 4.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008044 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Trúc